

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN HÀ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 02 /2018/ HNGĐ - ST

Ngày: 11 – 7– 2018

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do-Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN HÀ, TỈNH QUẢNG NGÃI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thông.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Huệ.
2. Bà Nguyễn Thị Nguyệt.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhị – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Hà tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2018/TLST –HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST –HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Chị Đinh Thị Hồng L**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn L, xã S, huyện S, tỉnh Q.

2. *Bị đơn:* **Anh Đinh Văn Ph** (Đinh Hà V), sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn L, xã S, huyện S, tỉnh Q.

4. *Người phiên dịch:* Ông Đinh Văn Thương - Phó Chủ tịch MTTQ Việt Nam TT D, huyện S, tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2018 và các biên bản tự khai ngày 02/3/2018 và ngày 28/5/2018 nguyên đơn chị Đinh Thị Hồng L trình bày:

Chị và anh Đinh Văn Ph (Đinh Hà V) kết hôn với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện S, tỉnh Q. Quá trình chung sống anh chị đã có với nhau 02 con chung tên Đinh Thị Lan V và Đinh Quốc A. Thời gian đầu chúng tôi sống rất hạnh phúc nhưng đến năm 2009 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn

do anh Ph không lo làm ăn mà thường xuyên uống rượu say xỉn và ghen tuông vô cớ dẫn tới vợ chồng thường xuyên cãi và xúc phạm nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được thôn, xóm hòa giải can thiệp nhưng anh Ph vẫn chứng nào tật ấy không thay đổi dẫn tới mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn.

Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại hạnh phúc với anh Ph. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đinh Văn Ph.

Về tài sản riêng: Không có.

Về tài sản chung và nghĩa vụ trả nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Khi ly hôn:

Về con chung: Hiện nay 02 con tên Đinh Thị Lan V, sinh ngày 31/10/2002 và Đinh Quốc A, sinh ngày 20/5/2008. Hiện nay 02 cháu đang ở với chị, nếu được ly hôn anh Ph chị xin nhận trực tiếp chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng. Anh Đinh Văn Ph phải có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi cháu 500.000 đồng cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi.

Biên bản tự khai ngày 02/3/2018 và ngày 28/5/2018 bị đơn anh Đinh Văn Ph trình bày:

Anh và chị Đinh Thị Hồng L kết hôn với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện S, tỉnh Q. Quá trình chung sống anh chị đã có với nhau 02 con chung tên Đinh Thị Lan V và Đinh Quốc A. Thời gian đầu chúng tôi sống rất hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị L tự ý quyết định mọi chuyện trong gia đình nên anh cảm thấy bị xúc phạm, bị xem thường nên từ đó anh buồn chán và dẫn đến thường xuyên uống rượu rồi vợ chồng cãi nhau thường xuyên.

Nay, chị L khởi kiện yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý vì anh vẫn còn thương vợ con. Anh mong chị L và anh cùng nhìn nhận lỗi lầm và đoàn tụ để lo làm ăn nuôi các con ăn học nên người.

Về tài sản riêng: Không có.

Về tài sản chung và nghĩa vụ trả nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con chung: Có 02 con tên Đinh Thị Lan V, sinh ngày 31/10/2002 và Đinh Quốc A, sinh ngày 20/5/2008. Hiện nay 02 cháu đang ở với chúng tôi, anh Ph không đồng ý ly hôn nên anh không yêu cầu giải quyết về con.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án, quá trình thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật tại các Điều 70, Điều 71, 72 và 82 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Về nội dung vụ án: Sau khi xem xét tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự trong quá trình Tòa án giải quyết cũng như tại phiên Tòa, Viện kiểm sát

nhân dân huyện S, xét thấy tình cảm của vợ chồng anh Ph chị L đã trầm trọng khó hàn gắn, tình cảm vợ chồng không thể sống chung với nhau được nữa. Mục đích hôn nhân không đạt, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 và khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Đinh Thị Hồng L ly hôn anh Đinh Văn Ph.

Về con chung: Áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Giao cho chị Đinh Thị Hồng L tiếp tục chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng 02 con tên Đinh Thị Lan V, sinh ngày 31/10/2002 và Đinh Quốc A, sinh ngày 20/5/2008. Anh Đinh Văn Ph phải có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi cháu 500.000 đồng, thời gian tính từ tháng 8/2018 cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại huyện S, tỉnh Q, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Q theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Đinh Thị Hồng L và anh Đinh Văn Ph (Đinh Hà V) kết hôn vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện S, tỉnh Q trên cơ sở hôn nhân tự nguyện không có sự ép buộc. Qua xem xét tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Khi anh chị cưới nhau về chung sống rất hạnh phúc. Đến năm 2009 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân anh chị không có tiếng nói chung, Chị L quyết định mọi việc trong gia đình. Hơn nữa anh Ph nghi ngờ chị L có người đàn ông khác. Nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cũng từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Anh Ph nảy sinh thường xuyên uống rượu say xỉn không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Tại phiên tòa chị L cương quyết ly hôn, anh Ph không đồng ý. Hội đồng xét xử tình cảm vợ chồng anh ph, chị L đã rạn nứt, trình trạng hôn nhân không đạt được, không thể kéo dài, sống chung với nhau sẽ làm khổ cho đôi bên, để giải phóng cho anh Ph, chị L có cuộc sống riêng. Nên Hội đồng xét xử cho chị Đinh Thị Hồng L được ly hôn anh Ph. Do đó yêu cầu của chị Đinh Thị Hồng L được chấp nhận phù hợp được quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 và khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Xét nguyện vọng của 02 cháu Đinh Thị Lan V và cháu Đinh Quốc A đề ngày 19/3/2018 và ngày 20/3/2018 xin được ở với chị Đinh Thị Hồng L được chấp nhận, vì hiện nay 02 cháu đang ở với chị L. Hơn nữa chị L có điều kiện chăm sóc, giáo dục con. Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao 02 cháu Đinh Thị Lan V, sinh ngày 31/10/2002 và cháu Đinh Quốc A, sinh ngày 20/5/2008 cho chị Đinh Thị Hồng L chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Tại phiên tòa

chị L yêu cầu anh Ph có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 02 con, mỗi con 500.000 đồng/tháng tính từ tháng 8/2018 cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi, là phù hợp với các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị L.

[4] Về tài sản riêng: Không có, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản: Chị Đinh Thị Hồng L và anh Đinh Văn Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Đinh Thị Hồng L phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về án phí cấp dưỡng: Anh Đinh Văn Ph phải chịu theo quy định của pháp luật được quy định tại điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 53, khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Cho chị Đinh Thị Hồng L được ly hôn anh Đinh Văn Ph (Đinh Hà V).

Về con chung: Giao chị Đinh Thị Hồng L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con là Đinh Thị Lan V, sinh ngày 31/10/2002 và Đinh Quốc A, sinh ngày 20/5/2008. Anh Đinh Văn Ph có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con, mỗi con 500.000 đồng/tháng, thời gian tính từ tháng 8/2018 cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi. Anh Ph có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Không ai có quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc con chung.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đinh Thị Hồng L phải chịu án phí ly hôn 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí do chị L đã nộp là 300.000đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000029 ngày 26/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S.

Về án phí cấp dưỡng: Anh Đinh Văn Ph (Đinh Hà V) phải chịu 300.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q.
- VKSND huyện S.
- Các Đ. Sự.
- Chi cục THA huyện S.
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Ngọc Thông

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Sơn Hà;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng KTNV&THA Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Sơn Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Võ Ngọc Thông